

TAND HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2020

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HUNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Dũng và bà Phạm Thị Hồng Thu

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Ngọc Huy-Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Kim Động.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Động,
tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
21/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 10/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2000. *Vắng mặt*

HKTT: Thôn BG, thị trấn LB, huyện KĐ, tỉnh HY.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn BS, xã HN, huyện TG, tỉnh TH.

***Bị đơn:** Anh Lê Văn Nh, sinh năm 1992. *Vắng mặt*

HKTT và địa chỉ: Thôn BG, thị trấn LB, huyện KĐ, tỉnh HY.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Lê Thị Kim O, sinh ngày 18/11/2017.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu O: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê
Văn Nh.

***Người làm chứng:**

Ông Lê Văn M, sinh năm 1957. *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn BG, thị trấn LB, huyện KĐ, tỉnh HY.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự
và quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Lê Văn Nh có thời gian tự nguyện tìm hiểu thông qua người quen giới thiệu. Anh chị có thời gian chung sống cùng nhau trước khi kết hôn do chị chưa đủ tuổi kết hôn. Tháng 11/2017, chị sinh con gái sau đó mới đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LB, huyện KĐ vào ngày 08/11/2018. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, anh chị sống cùng với gia đình anh Nh tại thị trấn LB. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị cho con về Thanh Hóa chơi với bố mẹ để một thời gian thì anh Nh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Anh Nh không thừa nhận nhưng qua tin nhắn điện thoại và thông tin từ bạn bè thì chị xác định anh Nh không còn tình cảm với chị. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi vã. Chị đã mang con về nhà bố mẹ để ở từ tháng 7/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh Nh cũng không liên lạc gì mà còn chặn số điện thoại của chị. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Nh, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Anh Lê Văn Nh thống Nh với lời khai của chị L về thời điểm đăng ký kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh xác định không còn tình cảm với chị L và Nh trí lý hôn nhưng anh không có thời gian đến Tòa án để tham gia tố tụng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và cho chị L ly hôn đơn phương.

Về con chung: Chị L, anh Nh đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Kim Anh, sinh ngày 18/11/2017. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu Anh ở cùng chị L. Anh chị đều có quan điểm thống Nh để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Anh sau khi ly hôn. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Anh chị đều không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Người làm chứng ông Lê Văn M xác định anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, hiện cả hai đã ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xác minh tại UBND thị trấn LB được cung cấp: Chị L, anh Nh có đăng ký kết hôn tại UBND xã. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được, chỉ biết hiện anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi. Chị L mang con về Thanh Hóa còn anh Nh vẫn ở địa phương. Vợ chồng có 01 con chung như anh chị trình bày.

Trong quá trình tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh Nh không đến Tòa án tham gia tố tụng và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Chị L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa chị và anh Nh. Do đó, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị L và anh Nh đều vắng mặt do có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Động. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định và không thuộc trường hợp phải thay đổi. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ. Nguyên, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+Về nội dung của vụ án:

-Về tình cảm vợ chồng: Chị L và anh Nh đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng. Cả hai đều Nh trí ly hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

-Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Anh cho chị L nuôi dưỡng, anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

-Về tài sản: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

-Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn Nh có nơi cư trú tại thị trấn LB, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kim Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nh có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LB giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 08/11/2018. Việc kết hôn của anh chị không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin ở nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát cãi vã. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Nh vắng mặt tại các buổi làm việc và hòa giải. Chị L có quan điểm đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ. Anh chị đều xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2019, không còn tình cảm với nhau và không thể tiếp tục chung sống để xây dựng hạnh phúc gia đình. Điều này phù hợp với lời khai của người làm chứng và cung cấp của chính quyền địa phương. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L với anh Nh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là những căn cứ cho ly hôn theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3]. Về con chung: Anh Nh, chị L đều thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Lê Thị Kim A, sinh ngày 18/11/2017. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu Anh vẫn ở cùng chị L. Quá trình Tòa án lấy lời khai, anh chị đều có quan điểm thống nhất để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu A sau khi ly hôn. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do Tòa án không tiến hành hòa giải được và các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX không có căn cứ để xác định anh chị đã tự nguyện thỏa thuận về nuôi con chung. Do cháu A hiện chưa đủ 36 tháng tuổi nên HĐXX căn cứ vào điều kiện nuôi con của chị L và quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu A cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn cho đến khi cháu thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ nần: Anh Nh, chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội:

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Văn Nh.

2.2. Về con chung: Giao cháu cháu Lê Thị Kim A, sinh ngày 18/11/2017 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Lê Văn Nh phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Anh Nh được quyền thăm nom cháu A, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001742 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn LB
(GCNKH số 50/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

